

**PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ TRANG NGHIÊM
THANH TỊNH BÌNH ĐẲNG GIÁC KINH**

Phúc giảng lần thứ hai: Cô Lưu Tố Vân

Thời gian: 15/12/2020

Địa điểm: Tiểu viện Lục Hòa

Tập 49

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Mời xem kinh văn tiếp theo:

Phật cáo A-nan, như thị Phật sát, hoa quả thụ mộc, dữ chư chúng sanh, nhi tác Phật sự. Thử giai Vô Lượng Thọ Phật, uy thần lực cố, bốn nguyện lực cố, mãn túc nguyện cố, minh liễu, kiên cố, cứu cánh nguyện cố.

Phật bảo A-nan: Hoa quả cây cối và các chúng sanh cõi Phật ấy làm các Phật sự. Đây đều do sức uy thần, sức bốn nguyện, nguyện viên mãn, nguyện rõ ràng, kiên cố, rốt ráo của Phật Vô Lượng Thọ vậy.

Đoạn kinh văn này là tổng thuyết, là thần lực, nguyện lực của đức Di-đà biến hiện ra.

Phật nói với ngài A-nan, hoa quả cây cối ở thế giới Cực Lạc đều có thể làm Phật sự cho chúng sanh. Nguyên nhân gì vậy? Là do hai nguyên nhân: Một là sức uy thần của Phật Vô Lượng Thọ. A-di-đà Phật đã thành Phật rồi, A-di-đà Phật có uy thần như vậy, có sức mạnh như vậy. Hai là sức bốn nguyện, nguyện đã phát trước đây, nên hiện nay đã thành hiện thực, có thể khiến chúng sanh nhìn thấy cây mà được ba loại hạnh. Thế nên sức bốn nguyện là tổng thuyết, tiếp theo là mãn túc nguyện, minh liễu nguyện, kiên cố nguyện, cứu cánh nguyện, bốn thứ này là phân biệt ra mà nói.

Một, mãn túc nguyện. Tịnh Ảnh nói rằng: “Nguyện tâm viên mãn đầy đủ”. Tâm phát nguyện là viên mãn đầy đủ, thế nên vì chúng sanh mà suy nghĩ thì sẽ nghĩ ra.

Hai, minh liễu nguyện. Quang minh, trí tuệ đều đồng tương ưng.

Ba, kiên cố nguyện, là tinh tấn không thoái, không có thoái tâm.

Bốn, cứu cánh nguyện, mong cứu giúp hết thảy pháp giới hữu tình, cho nên gọi là cứu cánh.

Bởi vì ngài muốn độ hết tất cả hữu tình trong pháp giới, điều kỳ vọng chỉ là độ hết tất cả chúng sanh, cho nên tất cả nguyện này đều ắt lấy chân thật chi tế làm thể, từ chân thật huệ mà sinh ra, có đầy đủ phương tiện rất ráo, thế nên ngài có thể khiến chúng sanh đều được lợi ích chân thật.

Kinh văn phẩm thứ 15 đã giảng xong rồi, kế tiếp quy nạp một số điểm trọng yếu như sau.

Trọng điểm thứ nhất: cây Bồ-đề của thế giới Tây Phương Cực Lạc làm lợi ích cho chúng sanh, ban cho hết thảy chúng sanh lợi ích thù thắng không gì sánh. Lợi ích chân thật thù thắng này chính là đoạn phiền não, chứng Bồ-đề, thành Phật đạo. Mắt thấy cây Bồ-đề, tai nghe âm thanh của cây, mũi ngửi mùi hương, lưỡi nếm vị của trái, thân tiếp xúc với ánh sáng và bóng cây, nhớ nghĩ công đức của cây, lợi ích thù thắng không thể nghĩ bàn. Dùng một câu quan trọng nhất để nói là: thảy đều được sáu căn thanh tịnh thông suốt.

Trọng điểm thứ hai: sáu căn tiếp xúc với cảnh giới của cây Bồ-đề, có được lợi ích công đức thù thắng, không có các phiền não âu lo, không thể nghĩ bàn. Người hiện nay chẳng phải không có phiền não âu lo, mà là rất nhiều phiền não lo âu, khổ nói không nên lời. Sáu căn của chúng ta tiếp xúc với cảnh giới của cây Bồ-đề, giúp cho chúng ta xa lìa nạn bị não loạn. Cảnh giới bên ngoài dẫu nhiều đến đâu, phức tạp đến đâu, chúng ta dùng tâm thanh tịnh để đối đãi với nó, không để nó ở trong tâm, tâm chuyên chú vào một câu Phật hiệu thì sẽ xa lìa nạn bị não loạn. Lợi ích công đức của cây Bồ-đề, chúng ta đã nhận được rồi.

Trọng điểm thứ ba: Phật pháp có thần thông, chẳng những có thần thông, mà còn có đại thần thông, nhưng Phật Bồ-tát không dùng thần thông làm Phật sự, làm Phật sự chính là tiếp dẫn chúng sanh. Phật dùng phương pháp gì tiếp dẫn chúng sanh? Dùng kinh giáo, giảng đạo lý cho bạn nghe, giảng luân lý, giảng đạo đức, giảng nhân quả, đến sau cùng đều quy về tự tánh của bạn, đây là thật, chẳng phải giả, không lừa người. Hết thảy chúng sanh vốn đều là Phật, hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, hết thảy chúng sanh đều có trí tuệ, đức tướng của Như Lai.

Trọng điểm thứ tư: hiểu rõ vũ trụ là từ đâu đến, chân tướng của nó là gì? Do tâm mà hiện, do thức mà biến, đối với điều này, đại sư Lục Tổ Huệ Năng nói rõ ràng nhất: “Nào ngờ tự tánh có thể sanh ra vạn pháp.” Cho nên Phật dạy chúng ta hướng vào trong mà học tập, không cầu ở bên ngoài, bên ngoài là giả, bên trong là thật. Bên trong là gì? Bên trong là giới định tuệ. Giới chính là phương pháp, tuân theo phương pháp mà Phật đã dạy, phương pháp này giúp chúng ta tìm lại chân tâm, buông bỏ vọng tâm. Chân tâm sanh trí tuệ, không sanh tà kiến, đây là Phật pháp. Đến sau cùng giúp bạn, vẫn là bạn [phải] triệt để buông xuống, thì thành Phật. Bạn không buông xả thì Phật cũng không giúp bạn được. Chân tướng của vũ trụ là: hết thấy pháp vô sở hữu, rốt ráo không, chẳng thể đạt được.

Trọng điểm thứ năm: cây Bồ-đề xung quanh giảng đường của A-di-đà Phật, đó là biểu pháp, đó là ký hiệu đặc trưng của A-di-đà Phật.

Trọng điểm thứ sáu: đạt được ba loại nhãn: âm hưởng nhãn, nhu thuận nhãn, vô sanh pháp nhãn. Nhãn là gì? Nhãn là thiên định. Nhãn này chính là khẳng định, thừa nhận, không có hoài nghi, cũng chính là xác nhận, đồng ý, đối với pháp của Phật thuyết không có hoài nghi, hoàn toàn tiếp nhận, đó là nhãn. Nhìn thấy cây thành tựu nhãn, nghe danh được nhãn, thấy đều là không thể nghĩ bàn, lại thêm chẳng thể nghĩ bàn.

Thế nào là thành nhãn? Hoàng Niệm lão giải thích là: thành là thành tựu, chính là đạt được. Phía trước nói đến sáu căn, ở đây chỉ chọn ra một căn, chọn ra nhãn kiến, nhãn căn thông rồi thì năm căn còn lại hoàn toàn thông tỏ. Trong 48 nguyện, nguyện thứ 41- nguyện cây hiện cõi Phật, và nguyện thứ 47- nguyện nghe danh đắc nhãn, hai nguyện này đều thành hiện thực rồi.

Thế nào là đắc nhãn? Đắc nghĩa là đạt được, nếu như nói nhìn thấy cây thành tựu nhãn và nghe danh đắc nhãn, so sánh hai điều này, thì lợi ích của nghe danh đắc nhãn rõ rệt hơn. Nghe danh đắc nhãn cần có công phu, ngày nay người nghe đến danh hiệu A-di-đà Phật rất nhiều, vì sao không đắc nhãn? Công phu không đủ, trong lục đạo mê quá sâu, hoàn toàn bị ngũ dục lục trần của thế gian này mê hoặc, không biết ngũ dục lục trần là giả, xem giả thành thật, cho nên không thể đắc nhãn.

Hoàng Niệm lão giải thích về ba loại nhãn. Âm hưởng nhãn, nghe pháp ngộ đạo, biết hết thấy pháp như tiếng vọng của âm thanh, như mộng huyễn bọt bóng, nên gọi là âm hưởng nhãn. Nhãn này thì hàng Bồ-tát Tam địa trở xuống của Biệt Giáo

đạt được. Nhu thuận nhãn, xả ly ngôn ngữ văn tự, nhập vào thật tướng thì gọi là nhu thuận nhãn, Bồ-tát Tứ-Ngũ-Lục địa có thể đạt được. Vô sanh pháp nhãn, nếu chứng nhập thật tướng, lia tất cả tướng thì gọi là đắc vô sanh pháp nhãn, là Bồ-tát Thất địa trở lên. Khái niệm này, chúng ta phải làm cho rõ, thì sẽ giúp chúng ta nâng cao, nguyên tắc chung chính là Kinh Kim Cang nói: “Nên chẳng chỗ trụ mà sinh tâm ấy”, nếu sanh tâm vô trụ thì chính là Bồ-tát, sanh tâm nếu có chỗ trụ thì chính là phàm phu.

Thế nào là có chỗ trụ? Nói cạn một chút, sanh tâm, trong tâm cảm thấy có, đây gọi là trụ vào tướng, hoàn toàn không cho đó là giả, thế nên họ sanh tâm có chỗ trụ, có chỗ trụ nên họ sanh tâm, họ không thể vô trụ mà sanh tâm. Bồ-tát có bản lĩnh, sanh tâm và vô trụ là đồng như nhau, sanh tâm chính là vô trụ, vô trụ chính là sanh tâm, đây chính là công phu thành tựu.

Tịnh tông chúng ta dùng phương pháp gì để giải quyết vấn đề vô trụ sanh tâm? Chúng ta sanh tâm có chỗ trụ, nhưng chúng ta không trụ vào sanh tâm, mà trụ vào cái gì? Trụ vào A-di-đà Phật, chính là tìm chỗ trụ cho bạn, trụ vào Phật hiệu A-di-đà Phật, trụ vào đây thì tốt, diệu, tuyệt diệu! Bồ-tát Thất địa trở lên gọi là “tịch diệt nhãn”, đây là cao nhất rồi. Tịch diệt, không có phiền não thì gọi là tịch, không có sanh tử thì gọi là diệt, cảnh giới không có phiền não và sanh tử chính là Niết-bàn.

Tiếp theo giảng kinh văn phẩm thứ 16.

ĐƯỜNG XÁ LÂU QUÁN ĐỆ THẬP LỤC

Phẩm kinh văn này, Thế Tôn nói hoàn cảnh của thế giới Tây Phương Cực Lạc cho chúng ta, trọng điểm nói về y phục, ăn uống, nơi ở, việc đi lại. Chỗ ở của các Bồ-tát của Thế giới Tây phương Cực Lạc là như thế nào vậy? Đây cũng là việc mà mọi người quan tâm. Thế Tôn đem mỗi một thứ, [từ]giảng đường thuyết pháp của A-di-đà Phật, tinh xá tu pháp của Bồ-tát, cho đến tất cả lầu quán lan can đều giới thiệu cho chúng ta, nêu rõ lòng từ bi vô tận của Thế Tôn đối với chúng sanh.

Mời xem kinh văn kế tiếp:

Hựu Vô Lượng Thọ Phật giảng đường tinh xá, lâu quán lan thuẫn, diệc giai thất bảo tự nhiên hóa thành. Phục hữu bạch châu Ma-ni dĩ vi giao lạc, minh diệm vô tỉ. Chư Bồ-tát chúng, sở cư cung điện, diệc phục như thị.

Lại nữa, giảng đường, tinh xá, lầu quán, lan can của Phật Vô Lượng Thọ cũng đều là bảy báu tự nhiên hóa thành. Lại có bạch châu, Ma-ni đan xen vào nhau sáng đẹp không gì sánh bằng. Cung điện của các Bồ-tát ở cũng lại như vậy.

Đại ý của đoạn kinh văn này là, giảng đường thuyết pháp trong nước của Phật Vô Lượng Thọ, tinh xá tu pháp, cho đến tất cả lầu quán lan thuẩn. Lan là lan can, dọc thì gọi là lan, ngang thì gọi là thuẩn, cũng đều do bảy báu tự nhiên hợp thành, đồng thời cũng đều treo các trân bảo như bạch châu, Ma-ni v.v... dùng làm dây anh lạc, treo lơ lửng đan xen giống như mạng lưới, chiếu sáng lẫn nhau, trang sức cho nhau, quang minh mỹ diệu, không gì sánh được. Cung điện mà chư Bồ-tát ở cũng là như vậy, hiển thị thế giới Tây Phương Cực Lạc là thế giới bình đẳng.

Mời xem kinh văn kế tiếp:

Trung hữu tại địa giảng kinh, tụng kinh giả; hữu tại địa thọ kinh, thính kinh giả; hữu tại địa kinh hành giả; tư đạo cập tọa thiền giả; hữu tại hư không giảng tụng, thọ thính giả; kinh hành, tư đạo, cập tọa thiền giả.

Trong đó có người giảng kinh, tụng kinh trên đất; có người thọ kinh, nghe kinh trên đất; có người kinh hành, tư duy đạo lý và tọa thiền trên đất; có người giảng, tụng, thọ trì, nghe, kinh hành, tư duy đạo lý và tọa thiền trên không trung.

Đoạn kinh văn trước đó nói về cảnh, đoạn kinh văn này nói về người trong cảnh. Hoàn cảnh tu học thù thắng, hoàn cảnh tu học thù thắng nhất trong tạn hư không khắp pháp giới chính là thế giới Tây Phương Cực Lạc. Đoạn kinh văn này thể hiện đầy đủ chư Bồ-tát tu học ở thế giới Tây Phương Cực Lạc hành đạo tự tại. Trong kinh nêu ví dụ nói rõ, người ở thế giới Cực Lạc tu hành như thế nào.

Trong số họ có người giống như thế giới chúng ta, ở trên mặt đất giảng kinh, tụng kinh, câu này rất quan trọng. Giảng kinh, đối với chính mình là sự nâng cao, vì sao vậy? Mỗi lần giảng không như nhau, mỗi lần đều có tiến bộ. Tụng kinh chính là tổ tổ tương truyền, dạy chúng ta đọc sách ngàn lần nghĩa kia tự hiểu. Nghĩa kia tự hiểu chính là khai ngộ. Tụng là tụng thuộc lòng, đọc kinh thuộc rồi, không cần dùng quyển kinh mà có thể tụng thuộc, không có chỗ sai sót, đây chính là đang tu niệm Phật tam-muội. Bất luận ở nơi nào bạn đều có thể nhìn thấy mỗi một người đều đang dụng công, đây là ở trên mặt đất.

Có người ở trên mặt đất thọ trì kinh, nghe kinh, có người ở trên đất kinh hành, suy ngẫm về đạo và tọa thiền, đây là nêu ví dụ để nói rõ các loại hình tướng của người tu hành ở thế giới Cực Lạc. Có người ở trên mặt đất giảng kinh, đương nhiên cũng có rất nhiều người đang nghe kinh, tụng kinh, thọ trì kinh, còn có người trên mặt đất đi kinh hành.

Kinh hành chính là đi nhiều quanh Phật mà hiện nay chúng ta nói. Có hai loại hình thức, một loại là đi vòng quanh mà niệm, một loại đi tới lui theo đường thẳng mà niệm; còn có một loại phương pháp kết hợp ngồi niệm với đi vòng quanh niệm, cũng rất phù hợp. Tiểu viện Lục Hòa của chúng tôi là như vậy, chia thành ba khu niệm Phật, một là khu nhiều Phật, hai là khu tịnh khẩu ngồi niệm, ba là khu lay Phật, đây là chỉ cho ba loại phương thức niệm Phật trong niệm Phật đường, mỗi một người tự do lựa chọn, cũng có thể tiến hành luân phiên ba loại hình thức. Chúng tôi còn có một kiểu nhiều Phật khác, bốn giờ sáng, đi nhiều 36 vòng trong hành lang của tiểu viện, đại khái hết 1 tiếng 20 phút.

Ở thế giới Tây Phương Cực Lạc, còn có người ở trên mặt đất tư đạo, tư đạo chính là tư duy về đạo, và tọa thiền chính là ngồi xếp bằng tu tập thiền định. Trong hư không của thế giới Cực Lạc có nhiều loại người tu hành theo các phương thức khác nhau.

Nói đến đây, tôi lại muốn nói đến việc liên quan đến Thiền và Mật. Ba vị thầy của lão pháp sư thượng Tịnh hạ Không là tiên sinh Phương Đông Mỹ, đại sư Chương Gia, thầy Lý Bình Nam. Các ngài trong những thời gian khác nhau nói với lão pháp sư lời nói giống nhau: không cho phép lão pháp sư đụng vào Thiền, không cho phép ngài đụng đến Mật, nói với ngài: “con không phải là căn cơ học Thiền, học Mật”. Đây là ba vị thầy tốt hiểu rõ căn cơ của học sinh, có trách nhiệm với học sinh.

Lão pháp sư dạy chúng ta, Thiền không dễ tu, Mật cũng không dễ tu, đều cần phải có người thầy tốt ở bên cạnh chăm nom bạn. Tu Thiền định dễ bị dính ma, cho nên nhất định cần phải có vị thầy tốt. Trong thiền đường có thầy chỉ dẫn, có đường chủ, khi bạn gặp vấn đề thì có thể giúp bạn giải quyết. Nếu bị dính ma mà không có người giúp giải quyết thì rất khổ, người thông thường chúng ta gọi là bệnh thần kinh, đưa bạn vào bệnh viện tâm thần thì bạn khổ rồi, khổ cả đời luôn. Cho nên học Thiền, học Mật phải hết sức cẩn thận.

Trước tiên đối với bản thân phải có định vị chính xác, chọn ra pháp môn khế hợp với căn cơ của bạn mà tu học, như vậy thì sẽ ổn thỏa hơn. Ví dụ, Đản Kinh nói rõ với chúng ta, Thiên tông là độ người thượng thượng căn, chú ý, là người thượng thượng căn, hai chữ thượng; không phải người thượng căn, người trung hạ căn không có phần. Bạn lựa chọn tu học Thiên tông, trước tiên phải xác nhận bản thân là người thượng thượng căn. Ai đến xác nhận? Chính mình xác nhận, người khác không thể xác nhận cho bạn. Lựa chọn tu Mật cũng là như vậy.

Bất luận tu Thiên, tu Mật thì nhất định phải có vị thầy tốt chỉ dẫn, không có thầy chỉ dẫn, chính mình tu mù luyện quán thì rất dễ xảy ra vấn đề. Ngay cả tu Phật thất, lão pháp sư đã nói với chúng ta như sau, nhất định không được tu Phật thất tinh tấn, nhất định không được tu Bát Chu tam-muội. Bát Chu tam-muội là niệm Phật 90 ngày, 90 ngày chỉ có thể đứng, chỉ có thể đi lại, kinh hành, không được ngồi xuống, không được nằm xuống ngủ, không có thân thể như vậy thì không được, việc này cũng sẽ dính ma, chẳng phải là việc dễ dàng. Không có công phu nhất định, không có sự chắc chắn thì chớ xem thường mà làm thử.

Thầy Lý Bình Nam cả một đời tổ chức hai lần Phật thất tinh tấn, về sau không dám làm nữa, bởi vì trong quá trình tu Phật thất có một học trò gặp vấn đề, thầy Lý mất thời gian nửa năm giúp anh ta khôi phục lại bình thường, nếu như không có công phu, làm thử việc này thì đó là việc rất nguy hiểm. Hiện nay ít cao nhân, một khi xảy ra vấn đề, không có người có thể xử lý được, hậu quả sẽ khá nghiêm trọng. Bất luận tu học pháp môn nào, ngàn vạn phần không được truy cầu thần thông. Còn nhớ vài năm trước có bốn câu nói như vậy: Không được cầu thần thông, cầu rồi chớ được đắc, đắc rồi chẳng thể dùng, dùng rồi ắt dính ma. Phải ghi nhớ thật kỹ bốn câu này. Truy cầu thần thông rất nguy hiểm.

Mời xem kinh văn kế tiếp:

Hoặc đắc Tu-đà-hoàn, hoặc đắc Tư-đà-hàm, hoặc đắc A-na-hàm, A-la-hán. Vị đắc A-duy-việt-trí giả, tắc đắc A-duy-việt-trí. Các tự niệm đạo, thuyết đạo, hành đạo, mặc bất hoan hỷ.

Hoặc đắc Tu-đà-hoàn, hoặc đắc Tư-đà-hàm, hoặc đắc A-na-hàm, A-la-hán. Người chưa đắc A-duy-việt-trí thì sẽ đắc A-duy-việt-trí. Mỗi người tự niệm đạo, thuyết đạo, hành đạo, không ai không hoan hỷ.

Đại ý của đoạn kinh văn này là, bốn câu phía trước nói tứ quả của Tiểu thừa. Đó là: Sơ quả Tu-đà-hoàn, nhị quả Tu-đà-hàm, tam quả A-na-hàm, tứ quả A-la-hán. Trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư ở thế giới Cực Lạc, trong các loại người tu trì thì bên trên nói về tứ quả, chỉ cho người đã đoạn hoặc. Nếu đã đoạn toàn bộ kiến hoặc thì tương đương với chứng Sơ quả, nhưng phát tâm của họ chẳng phải chỉ là Sơ quả, chúng ta biết, trên thực tế cõi nước Cực Lạc thấy đều là Bồ-tát phát đại tâm. Vãng Sanh Luận nói: “Nhị thừa không sanh về”.

Sơ quả Tu-đà-hoàn được gọi là Nhập Lưu, là phàm phu mới nhập vào dòng pháp của thánh đạo. Nhị quả Tu-đà-hàm dịch là Nhất Lai, đã đoạn được sáu phẩm trước trong chín phẩm tư hoặc của Dục giới, vẫn còn phải đến cõi người hoặc trời Dục giới thọ sanh thêm một lần nữa. Tam quả A-na-hàm dịch là Bất Hoàn, đã đoạn hết ba phẩm tư hoặc sau cùng của Dục giới, không còn trở lại Dục giới, lần sau thọ sanh chỉ ở Sắc giới và Vô Sắc giới. Tứ quả A-la-hán, dịch là Sát Tặc, Ứng Cúng, Bất Sanh, đã đoạn hết tất cả tư hoặc của Phi Tướng Xứ, nhập vào Hữu Dư Niết-bàn, không còn đến Tam giới nữa.

A-duy-việt-trí chính là A-bệ-bạt-trí, chính là bất thoái chuyển. Di-đà Yếu Giải nói: “Một, vị bất thoái, nhập vào dòng thánh, không rớt xuống địa vị phàm phu. Hai, hạnh bất thoái, thường độ sanh, không rớt xuống địa vị Nhị thừa. Ba, niệm bất thoái, tâm tâm lưu nhập biển Tát-bà-nhã”. Biển Tát-bà-nhã là biển nhất thiết chủng trí, cũng chính là biển Như Lai quả, phải phá một phần vô minh, chứng một phần pháp thân, mới có thể mỗi một niệm đều lưu nhập vào biển trí tuệ của Phật, cho nên đây là cảnh giới cực cao.

Thế nhưng, phàm phu sau khi vãng sanh, trước tiên là vị bất thoái, tiếp theo thì thấy đều bất thoái. Thế giới Cực Lạc chỉ có điển pháp Nhất thừa, những người vãng sanh đều phát đại tâm, [nên] thứ thọ dụng là pháp lạc của Đại thừa, cho nên không rớt xuống địa vị Nhị thừa, chứng hạnh bất thoái. Thế giới Cực Lạc không có duyên thoái chuyển, hết thấy đều là tăng thượng [duyên], thọ mạng lại vô lượng, thế nên ít chứng niệm bất thoái.

Vì vậy Yếu Giải nói: “Ngũ nghịch thập ác, mười niệm thành tựu, đời nghiệp vãng sanh, người ở hạ hạ phẩm đều được tam bất thoái”. Lại hết lời tán thán rằng: Vừa là phàm phu, vừa là A-bệ-bạt-trí, tuy là A-bệ-bạt-trí nhưng họ vẫn là phàm phu. Mười phương cõi Phật không có danh tướng này, không có giai vị này,

không có pháp môn này. Nếu chẳng phải nhờ diệu đức tối cao vô cực của tự tâm, tự tánh, cùng với công lao đặc biệt kỳ diệu của trì danh niệm Phật, cộng thêm Nhất thừa nguyện hải của đức Di-đà thì sao có được kỳ tích thù thắng khôn sánh như vậy.

Tiếp theo xin tổng kết những trọng điểm của kinh văn phẩm thứ mười sáu.

Trọng điểm thứ nhất: thế giới Tây Phương Cực Lạc là một thế giới thật sự bình đẳng, những Bồ-tát vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, hoàn cảnh mà các ngài cư trú và của A-di-đà Phật là không hai không khác, kinh văn nói là “diệc phục như thị”, ý là nói sự bình đẳng của thế giới Cực Lạc.

Trọng điểm thứ hai: hoàn cảnh tu học ở thế giới Tây Phương Cực Lạc thù thắng, biểu hiện ở hành đạo tự tại, bất luận bạn tu học pháp môn nào, dùng phương thức, phương pháp nào để tu học đều sẽ không gặp chướng ngại, chân thật thể hiện ra pháp môn bình đẳng, không có cao thấp.

Trọng điểm thứ ba: nhất định không được truy cầu thần thông, thần thông chân thật là tự tánh, thần thông chẳng phải do học được, chẳng phải do cầu được, thần thông cầu bên ngoài là giả, là nguy hiểm, lạm dụng thần thông sẽ khiến bạn rơi vào ma cảnh. Chúng ta tu học Phật pháp, nhất định phải chánh tín, không được mê tín, không được đi lạc đường.

Trọng điểm thứ tư: thế giới Cực Lạc chỉ diễn pháp Nhất thừa, phàm phu vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc lập tức chứng địa vị tam bất thoái, là A-duy-việt-trí (vị bất thoái, hạnh bất thoái, niệm bất thoái). Mười phương cõi Phật duy chỉ có thế giới Tây Phương Cực Lạc có pháp môn này.

Trọng điểm thứ năm: thế giới Tây Phương Cực Lạc thành tựu như thế nào? Một là do diệu đức tối cao vô cực của tự tâm tự tánh A-di-đà Phật mà nên, hai là do công trạng đặc biệt kỳ diệu của trì danh niệm Phật mà được, ba là do Nhất thừa nguyện hải của đức Di-đà.

Tiếp theo giảng kinh văn phẩm thứ mười bảy.

TUYÊN TRÌ CÔNG ĐỨC ĐỆ THẬP THẤT

Mời xem kinh văn kế tiếp:

Hạ kỳ giảng đường tả hữu, tuyên trì giao lưu, tung quảng thâm thiển, giai các nhất đẳng. Hoặc thập do-tuần, nhị thập do-tuần, nãi chí bá thiên do-tuần, trạm nhiên hương khiết, cụ bát công đức.

Hai bên giảng đường lại có ao suối chảy quanh, dài rộng sâu cạn, thủy đều xứng hợp. Hoặc mười do-tuần, hai mươi do-tuần, cho đến trăm ngàn do-tuần, trong treo, thơm tho, khiết tịnh, đủ tám công đức.

Đoạn kinh văn này nói về công đức của suối, ao ở thế giới Tây Phương Cực Lạc, cũng chính là nói công đức thù thắng không thể nghĩ bàn của ao bảy báu.

Hai câu mở đầu: *“Hai bên giảng đường, ao suối chảy quanh”*

Đây là tướng tổng quát của Cực Lạc. Trong nước Cực Lạc các nơi đều là như vậy, bên ngoài giảng đường, suối ao vây quanh, thông đến mọi phương, trong nước khắp nơi đều là như vậy, cho nên đây là tướng tổng quát.

Tiếp theo *“dài rộng sâu cạn, thủy đều xứng hợp”*

Thể hiện suối ao lớn nhỏ, đây là tướng riêng biệt. Suối ao dài rộng và sâu cạn đều có cấp độ không như nhau, có đủ loại hình thức; mỗi độ dài, độ rộng, độ sâu đều rất hợp nhau, đây là ý nghĩa của câu “giai các nhất đẳng”.

Suối ao lớn nhỏ có cái mười do-tuần, có cái hai mươi do-tuần, có cái lên đến trăm ngàn do-tuần. Nước trong ao “trạm nhiên hương khiết”: thanh khiết, thơm tho, khiết tịnh; có tám loại công đức, cho nên gọi là nước tám công đức. Bản dịch thời Đường của Kinh A-di-đà nói: “Vì sao gọi là nước tám công đức? Một là trong sạch, hai là thanh mát, ba là mùi vị ngon ngọt, bốn là nhẹ nhàng mềm mại, năm là thấm nhuần, sáu là an hòa, bảy là khi uống trừ được đói khát, vô lượng tật bệnh, tám là uống xong nhất định trường dưỡng các căn tứ đại, gia tăng các loại thiện căn thù thắng, chúng sanh nhiều phước, thường an lạc thọ dụng. Nước có thể trừ đói, trường dưỡng các căn, còn có thể gia tăng thiện căn, thật sự không thể nghĩ bàn, chúng sanh ở Cực Lạc thật sự có nhiều phước.

Mời xem kinh văn kế tiếp:

Ngạn biên vô số chiêm-đàn hương thụ, kiết tường quả thụ, hoa quả hằng phương, quang minh chiếu diệu, tu điều mật diệu, giao phú u trì, xuất chủng chủng hương, thể vô năng dụ, tùy phong tán phước, duyên thủy lưu phần.

Ven bờ có vô số cây chiên-đàn hương, cây trái kiết tường, hoa quả luôn thơm ngát, quang minh chiếu diệu, cành dài lá dày che kín mặt ao, tỏa ra đủ các mùi thơm, thế gian không thể thí dụ được. Hương thơm theo gió tản ra, theo dòng nước chảy đưa hương.

Bên bờ có vô số cây chiên-đàn hương, chiên-đàn là cây có mùi thơm ở Ấn Độ, thường gọi là “chiên-đàn mộc”. Và cây trái kiết tường, trái kiết tường ở Trung Quốc không có, hình dạng giống trái qua lâu, ở Trung Quốc dùng quả lựu làm đại biểu, một hoa kết ra rất nhiều hạt lựu, biểu thị cho kiết tường.

“Hoa quả luôn thơm ngát”, hoa và quả đều thường tỏa hương thơm. “Quang minh chiếu diệu”, hoa quả đều phóng quang rực rỡ. “Cành dài lá dày”, cành nhánh rất dài, lá rất sum suê. Rìa nước, ven bờ đều có cây, cây mọc ra cành nhánh rất dài. “Che kín mặt ao”, vươn ra chạm vào nhau, soi bóng trên mặt nước ao, tỏa ra đủ loại hương thơm, mùi hương mỹ diệu, các loại diệu hương ở thế gian không thể sánh được. “Hương thơm theo gió tản ra, theo dòng nước chảy đưa hương”, theo làn gió mát tỏa ra hương thơm của bản thể, theo dòng nước ao tỏa ra hương thơm của hoa, khiến thân người chạm được hương thơm u nhã từ nơi gió mát nước trong đưa tới, cảnh giới xinh đẹp tuyệt diệu, lời văn cũng xinh đẹp tuyệt diệu.

Viết đến đây bất giác khiến tôi nhớ đến năm 2017, tôi mới đến nơi này không lâu, khoảng vào tháng 7 tháng 8, có một hôm chạng vạng tối, bốn năm người chúng tôi ngồi ở dưới cây liễu bên hồ phóng sanh nói chuyện, gió nhẹ thổi đến, cành liễu dài nhẹ nhàng đung đưa, khiến người cảm thấy dễ chịu. Vào ngay lúc đó Bồ-đề Tâm nói: “Ồ, thơm quá, mọi người có ngửi thấy mùi thơm không?” Tôi nói, tôi ngửi thấy một mùi hương nhẹ nhàng thanh khiết, còn nói ra bốn câu rằng: Đồng tham đạo hữu tán chuyện đời, gió sen từng đợt đưa hương tới, cảm được thiên nhân ghé đến chơi, cũng phải dừng chân nghe cho rõ. Cảm nhận đó thật sự rất mỹ diệu.

Mời xem kinh văn kế tiếp:

Hựu phục trì sức thất bảo, địa bố kim sa, ưu-bát-la hoa, bát-đàm-ma hoa, câu-mâu-đầu hoa, phần-đà-lợi hoa, tạp sắc quang mậu, di phú thủy thượng.

Lại nữa, ao được trang hoàng bằng bảy báu, đáy phủ cát vàng, hoa ưu-bát-la, hoa bát-đàm-ma, hoa câu-mâu-đầu, hoa phần-đà-lợi nhiều màu phối hợp rực rỡ che khắp mặt nước.

Đại ý của đoạn kinh văn này là, vẫn dùng bảy báu để trang sức cho ao sen, mặt đáy của ao sen phủ đầy cát vàng, trên mặt nước ao là hoa sen bốn loại màu sắc: Ưu-bát-la hoa là hoa sen xanh; Bát-đàm-ma hoa là hoa sen đỏ; Câu-mâu-đầu hoa là hoa sen vàng; Phần-đà-lợi hoa là hoa sen trắng, mỗi một sắc sen đều phóng diệu quang, soi bóng trên mặt nước ao. Trong kinh A-di-đà nói: “Hoa sen xanh thì ánh sáng xanh, hoa vàng thì ánh sáng vàng, hoa đỏ thì ánh sáng đỏ, hoa trắng thì ánh sáng trắng”, nói rõ bốn loại diệu liên phóng ra diệu quang. Xin chú ý hai chữ ‘diệu’ này: diệu liên, diệu quang, chỉ có thế giới Tây Phương Cực Lạc mới có diệu liên phóng quang. Diệu quang do bốn loại diệu liên này phóng ra cùng với câu “tạp sắc quang mạn” trong kinh này đúng là khớp nhau. Chữ “tạp” có nghĩa là: nhiều, tập, hòa, hợp, cho nên “tạp sắc” ở đây chỉ cho các diệu quang màu sắc khác nhau cùng phối hợp với nhau, và lại màu sắc ánh sáng rực rỡ, thế nên kinh văn dùng “tạp sắc quang mạn”, có thể nói là một bức tranh sơn dầu mỹ lệ, sắc màu rực rỡ.

Mời xem đoạn kinh văn kế tiếp:

Nhược bỉ chúng sanh, quá dục thử thủy, dục chí túc giả, dục chí tất giả, dục chí yêu dịch, dục chí cảnh giả, hoặc dục quán thân, hoặc dục lãnh giả, ôn giả, cấp lưu giả, hoãn lưu giả, kỳ thủy nhất nhất tùy chúng sanh ý, khai thần duyệt thể, tịnh nhược vô hình, bảo sa ánh triệt, vô thâm bất chiếu.

Nếu chúng sanh kia tắm trong nước ấy muốn nước đến chân, muốn đến gối, muốn đến eo, đến nách, muốn đến cổ, hoặc muốn gội lên thân, hoặc muốn lạnh, muốn ấm, chảy nhanh hay từ từ, thì nước ấy nhất nhất thuận theo ý chúng sanh, khai mở sự sáng suốt, thân tâm sáng khoái, trong vắt thanh khiết như hư không, cát báu chiếu suốt, chẳng có nơi sâu nào mà không chiếu tới.

Đại ý của đoạn kinh văn này là, chúng sanh ở cõi nước ấy nếu vào trong ao nước tắm gội, bơi lội, người ở trong ao muốn nước tới chân thì tới chân, muốn tới đầu gối thì tới đầu gối, tới eo thì tới eo, đến nách thì đến nách, đến cổ thì đến cổ, muốn tắm gội thì được xối khắp toàn thân, muốn mát một chút thì mát một

chút, muốn ấm một chút thì ấm một chút, muốn nước chảy xiết một chút thì chảy xiết một chút, chậm một chút thì chậm một chút.

“Nước ấy nhất nhất thuận theo ý chúng sanh”

Nước ao tùy theo mỗi một chúng sanh mà có thể làm hài lòng ý muốn của họ. Thử nghĩ xem, chỉ trong một cái ao này, có rất nhiều người đều đang bơi lội tắm gội, mỗi người chúng ta đều có suy nghĩ riêng, muốn cạn thì cạn, muốn sâu thì sâu, muốn gấp thì gấp, muốn chậm thì chậm, muốn ấm thì ấm, muốn mát thì mát, mỗi một người đều được vừa ý. Đây là triệt để phá tan tình kiến của chúng sanh, hiển hiện toàn bộ công đức không thể nghĩ bàn của thập huyền môn của thế giới Hoa Tạng.

Trong nhất chân pháp giới, một sợi lông, một hạt vi trần chính là toàn thể pháp giới mà chúng ta thường nói, cục bộ có thể hàm nhiếp toàn thể, giống như ngàn hạt châu trên lưới trời Đế Thích, mỗi hạt châu đều chiếu ra ánh sáng rực rỡ của ngàn hạt châu. Nhất chân pháp giới chính là pháp thân, chính là tâm Phật, cũng chính là chân tâm diệu minh của mỗi một chúng sanh.

Cho nên, nước trong ao ở Cực Lạc chính là trí tuệ chân thật, pháp thân vô vi. Thế nên [tuy] vô tri mà biết hết tất cả tâm ý của chúng sanh trong nước, không cần tạo tác sắp đặt, tự nhiên mỗi một thứ đều viên mãn tâm ý của mỗi chúng sanh. Cùng lúc cùng nơi đồng xuất hiện các cảnh giới khác biệt không như nhau, ứng diệu vô cùng, tâm nghĩ tưởng suy tính của phàm phu chẳng thể lý giải được.

“Khai thân duyệt thể, tịnh nhược vô hình”

Nước không những tự nhiên đáp ứng tâm nguyện của mỗi một người tắm, mà thù thắng hơn là nước ấy có thể khai mở sự sáng suốt của bạn, khiến bạn thân tâm sáng khoái, tăng trưởng trí lực, hơn nữa tắm xong thì thân thể thư thái an lạc. Nước trong vắt thanh khiết giống như hư không, không có hình trạng. Nước trong nhìn thấy đáy, cát báu ở dưới đáy ao đều có thể triệt để phát ra ánh sáng. Không có bất kỳ chỗ sâu nào trong nước mà cát báu không chiếu tới được, cho nên nói “chẳng có nơi sâu nào mà không chiếu tới”.

Tiết học này giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!